

I. NỘI DUNG CẦN GHI CHÉP Bài 13: BỘI CHUNG – BỘI CHUNG NHỎ NHẤT 1. Bội chung: (học phần tô màu xanh lá ở SGK trang 40, xem ví dụ 1) ❖ Tập hợp các bội chung của hai số a và b kí hiệu là BC(a, b). $x \in BC(a, b)$ nếu $x : a$ và $x : b$ <i>Thực hành 1:</i> a) $20 \in BC(4; 10)$ đúng vì $20 : 4$ và $20 : 10$ b) $36 \in BC(14; 18)$ sai vì 36 không $: 14$ và $36 : 18$ c) làm tương tự ❖ Cách tìm bội chung của hai số a và b: (phần tô màu xanh lá SGK trang 41, xem ví dụ 2) <i>Thực hành 2:</i> a) $B(3) = \{0; 3; 6; 9; 12; 15; 18; 21; 24; \dots\}$ $B(4) = \{0; 4; 8; 12; 16; 20; 24; \dots\}$ $B(8) = \{0; 8; 16; 24; 32; \dots\}$ $\Rightarrow BC(3; 4; 8) = \{0; 24; \dots\}$. b) Làm tương tự 2. Bội chung nhỏ nhất: (học phần tô màu xanh lá SGK trang 41) ❖ Kí hiệu bội chung nhỏ nhất của a và b là BCNN(a, b) Nhận xét: Xem sách giáo khoa trang 41 Ví dụ 3: (xem sách trang 41) Ví dụ 4: (đọc SGK/37) 3. Tìm bội chung nhỏ nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố ❖ Quy tắc: (học phần tô màu xanh lá SGK trang 42)	Ví dụ 5: (xem SGK trang 42) <i>Thực hành 4:</i> + Tìm BCNN(24, 30) $24 = 2^3 \cdot 3 \quad 30 = 2 \cdot 3 \cdot 5$ $\Rightarrow BCNN(24, 30) = 2^3 \cdot 3 \cdot 5 = 120$ + Tìm BCNN(3, 7, 8) $3 = 3; \quad 7 = 7; \quad 8 = 8$ $\Rightarrow BCNN(3, 7, 8) = 3 \cdot 7 \cdot 8 = 168$ + Tìm BCNN(12, 16, 48) $12 = 2^2 \cdot 3; \quad 16 = 2^4; \quad 48 = 2^4 \cdot 3$ $\Rightarrow BCNN(12, 16, 48) = 2^4 \cdot 3 = 48$ <i>Chú ý:</i> Xem SGK trang 42 <i>Thực hành 5:</i> Tự làm (dựa vào chú ý để làm) 4. Ứng dụng trong qui đồng mẫu các phân số: (đọc qui tắc SGK phần tô màu xanh lá trang 43) Xem ví dụ 6 SGK <i>Thực hành 6:</i> Làm theo cách 2 trong ví dụ 6 II. NHIỆM VỤ HỌC TẬP - Làm các bài tập 1, 2, 3, 4, 5 ở sách giáo khoa trang 43-44. - Đọc phần ‘Em có biết’ trang 44. III. DẶN DÒ - Học thuộc phần nội dung tô màu xanh lá trong sách. - Làm bài tập vào vở bài tập. - Xem kĩ và làm vào phiếu hướng dẫn học tập kèm theo phía sau bài học.
--	--

CHỦ ĐỀ: CÁC HÌNH PHẪNG TRONG THỰC TIỄN

I. NỘI DUNG CẦN GHI CHÉP Bài 13: HÌNH CHỮ NHẬT – HÌNH THOI - HÌNH BÌNH HÀNH – HÌNH THANG CÂN. 1. Hình chữ nhật: <i>Xem phần giới thiệu hình chữ nhật trong SGK trang 80</i> - Thực hành 1: Tự thực hiện - Thực hành 2: Các em làm theo hướng dẫn. - Vận dụng 2: Các em tự thực hiện, khi vào học trực tuyến làm cho cả lớp xem. 2. Hình thoi: - Các em làm theo yêu cầu trong phần khám phá - Đọc phần giới thiệu hình thoi trang 82. - Thực hành 3, 4, vận dụng 3 các em tự làm.	3. Hình bình hành: - Các em làm theo yêu cầu trong phần khám phá - Đọc phần giới thiệu hình bình hành trang 83. - Thực hành 5, 6, vận dụng 4, 5 các em tự làm. (Có thể trao đổi với bạn qua zalo, messenger...) II. NHIỆM VỤ HỌC TẬP - Đọc lại 3 phần đã học, chuẩn bị phần 4-hình thang cân, xem trước bài tập, chuẩn bị giấy, kéo. III. DẶN DÒ - Xem kĩ và làm vào phiếu hướng dẫn học tập kèm theo phía sau bài học.
--	---

.....Hết

TUẦN: 7

CHỦ ĐỀ: SỐ TỰ NHIÊN (tt)

I. NỘI DUNG CẦN GHI CHÉP Tên bài: Hoạt động thực hành và trải nghiệm - Bài tập chương I. 1. Hoạt động 1: Cho hình chữ nhật 	II. NHIỆM VỤ HỌC TẬP (Học sinh tự làm và kiểm tra kiến thức lĩnh hội qua bài học) 1/ Số q trong mỗi phép toán (trong hoạt động 2) biểu thị gần đúng mật độ dân số của mỗi quốc gia (người/ km²). Hãy cho biết trong các quốc gia trên quốc gia nào có mật độ dân số lớn nhất. 2/ Bài tập cuối chương I:  Câu hỏi trắc nhiệm: đọc kĩ yêu cầu của mỗi câu, ghi đáp án vào vở.  Bài tập tự luận:
--	--

Hãy chia hình chữ nhật trên thành các ô vuông bằng nhau (độ dài cạnh hình vuông bằng ƯCLN(4,6)) sau đó tô màu hai ô liền nhau không cùng màu. (xem hình minh họa ở SGK/45).

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu diện tích và dân số của các quốc gia.

Yêu cầu: Hãy tìm dân số (a) và diện tích (b) đến năm 2020 của các quốc gia: Việt Nam, Thái Lan, Philippin. Sau đó tìm hai số tự nhiên q và r thỏa mãn $a = b \cdot q + r$.

 Việt Nam: $a = \dots\dots\dots$
 $b = \dots\dots\dots$

$a = b \cdot ? + ?$

 Thái Lan: $a = \dots\dots\dots$
 $b = \dots\dots\dots$

$a = b \cdot ? + ?$

 Philippin: $a = \dots\dots\dots$
 $b = \dots\dots\dots$

$a = b \cdot ? + ?$

a) Hãy tìm $a \in UC(84, 100)$ và $a > 6$.

b) $b \in BC(12, 15, 18)$ và $0 < b < 300$.

Bài 4 SGK/46:

Hướng dẫn:

Tiền lãi = Tiền thu được - Tiền vốn mua hàng.

Đáp án: lớp 6A không hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

Bài 7 SGK/46: (điền kết quả tìm được vào SGK/ 46).

Bài 8 SGK/47:

Hướng dẫn:

Gọi số túi quà nhiều nhất có thể chia được là x (túi, $x \in \mathbb{N}^$). Ta có:
 $x \in UC(48; 32; 56)$.*

Tìm x, rồi trả lời câu hỏi.

Bài 1 SGK/46:

Hướng dẫn:

Câu a, b: áp dụng tính chất

$$a \cdot (b + c) = a \cdot b + a \cdot c ; a \cdot (b - c) = a \cdot b - a \cdot c$$

kết quả: a) 17300; b) 9000

Câu c, d: tính theo thứ tự thực hiện phép tính đã học (bài 5).

kết quả: c) 23; d) 76

Bài 2 SGK/46:

Hướng dẫn: dựa vào các dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 3, 9 đã học để tìm x, y.

a) $\overline{12x02y}$ chia hết cho cả 2 và 5 $\Rightarrow y = ?$

$\overline{12x02y}$ chia hết cho 3

$\Rightarrow 1 + 2 + x + 0 + 2 + y$ (thay y tìm được ở trên vào) chia hết cho 3 $\Rightarrow x = ?$

b) $\overline{413x2y}$ chia hết 5 mà không chia hết 2 $\Rightarrow y = ?$. làm tương tự câu a để tìm x.

Bài 3 SGK/46:

Hướng dẫn:

III. DẶN DÒ

- Các em làm theo yêu cầu của mỗi hoạt động, ghi kết quả vào vở bài học (tham khảo cách tiến hành hoạt động ở SGK/45).

- Trả lời các câu hỏi sau vào vở bài học:

1. Có mấy cách viết tập hợp?

2. Viết các tập hợp $\mathbb{N}$, $\mathbb{N}^*$.

3. Viết các công thức nhân hai lũy thừa cùng cơ số, chia hai lũy thừa cùng cơ số.

4. Nêu thứ tự thực hiện phép tính trong một biểu thức.

5. Nêu các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 3, cho 5, cho 9.

	6. Nêu cách tìm ước, tìm bội của một số. 7. Nêu cách tìm ƯCLN, BCNN bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố.
--	---

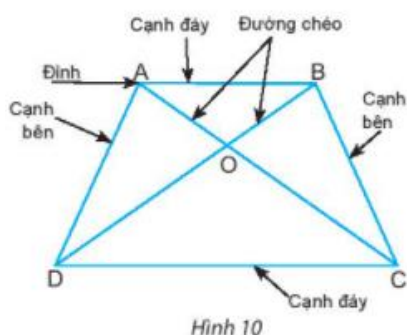
..... Hết.....

CHỦ ĐỀ: CÁC HÌNH PHẪNG TRONG THỰC TIỄN

I. NỘI DUNG CẦN GHI CHÉP

Bài: Hình chữ nhật - Hình thoi - Hình bình hành - Hình thang cân (tt)

4. Hình thang cân:



qua bài học)

Bài 1: (SGK/85)

Bài 2: (SGK/85)

Bài 3: (SGK/85)

Bài tập làm thêm:

1) Vẽ hình chữ nhật CDEF có $CD = 8\text{cm}$, $CF = 6\text{cm}$. Hãy kể một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật trên, sau đó tính độ dài của DE, EF.

2) Vẽ hình thoi MNPQ, biết $MN = 4\text{cm}$ và đường chéo $MP = 6\text{cm}$. Hãy kể một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình thoi trên, sau đó tính độ dài của NP, PQ, QM.

Hình thang ABCD có:

- Hai cạnh đáy song song.
- Hai cạnh bên bằng nhau.
- Hai góc kề một đáy bằng nhau.
- Hai đường chéo bằng nhau.

Hình thang ABCD trên được gọi là hình thang cân.

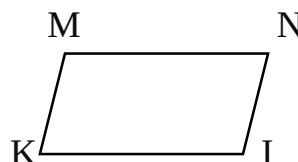
Thực hành 7:

- Góc đỉnh H bằng góc đỉnh G
- $EG = FH$; $EH = FG$.

Vận dụng 6: Hình vừa cắt được là hình thang cân.

II. NHIỆM VỤ HỌC TẬP (Học sinh tự làm và kiểm tra kiến thức lĩnh hội)

3) Cho hình bình hành MNIK



Hãy kể một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình bình hành trên. Hãy ghi tên các cạnh bằng nhau, các đường chéo của hình bình hành trên.

III. DẶN DÒ

- Làm các bài tập trên vào vở bài tập, xem kĩ lại các cách vẽ hình chữ nhật, hình thoi để vẽ hình theo yêu cầu.
- Đọc phiếu hướng dẫn học tập.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

1. Hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường: THCS An Nhơn Tây

Lớp: 6A

Họ tên học sinh:

Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
1. 2. 3.	1. 2. 3.

2. Một số lưu ý

Gửi các thắc mắc và các bài tập không giải được cho thầy cô qua nhiều kênh, và nhận phản hồi.

Số điện thoại:

Cô Ly: 0977956398.

Cô Thảo: 0986398063.

Thầy Nhân: 0968670170.

Hoặc gửi lại cho người phát tài liệu.